

Số: - 63 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo
Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2015 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-MĐC ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 1864/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Xét nhu cầu công tác và năng lực cán bộ;

Xét đề nghị của Trường Phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2015 - 2020 gồm 19 thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng khoa học và đào tạo Trường hoạt động theo quy định tại Điều 19 của Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quyết định số 772/QĐ-MĐC ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 3. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 1864/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trường Phòng Tổ chức - Cán bộ, Trường các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB₍₁₁₎.



PGS.TS Lê Hải An

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT**

---***---

**RÀ SOÁT CTDT NĂM 2018
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

NĂM, 2018

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT NHIỆM KỲ 2015 - 2020**

(Kèm theo Quyết định số: 66 /QĐ-MĐC ngày 16 tháng 01 năm 2018)

Số TT	Đơn vị, chức vụ	Họ và tên	Ghi chú
1	Ban Giám Hiệu	PGS.TS Lê Hải An	Ủy viên
2	Ban Giám Hiệu	PGS.TS Trần Thanh Hải	Ủy viên
3	Ban Giám Hiệu	PGS.TS Bùi Xuân Nam	Ủy viên
4	Trường phòng Đào tạo Đại học	PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Ủy viên
5	Trường phòng Đào tạo Sau đại học	PGS.TS Lương Quang Khang	Ủy viên
6	Phó Trường phòng phụ trách phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng GD	PGS.TS Dư Thị Xuân Thảo	Ủy viên
7	Trường phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế	PGS.TS Nguyễn Quang Minh	Ủy viên
8	Chánh Văn phòng Chương trình tiên tiến	PGS.TS Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên
9	Trường khoa Lý luận chính trị	TS Trần Thị Phúc An	Ủy viên
10	Trường khoa Xây dựng	TS Đỗ Ngọc Anh	Ủy viên
11	Trường khoa Môi trường	PGS.TS Đỗ Văn Bình	Ủy viên
12	Trường khoa Khoa học cơ bản	TS Công Tiến Dũng	Ủy viên
13	Trường khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	TS Trần Thùy Dương	Ủy viên
14	Phó Trường khoa phụ trách khoa Mỏ	TS Phạm Văn Hòa	Ủy viên
15	Trường khoa Công nghệ thông tin	TS Nguyễn Quang Khánh	Ủy viên
16	Trường khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	PGS.TS Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên
17	Trường khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	TS Nguyễn Duy Lạc	Ủy viên
18	Trường khoa Cơ - Điện	TS Khổng Cao Phong	Ủy viên
19	Trường khoa Dầu khí	TS Nguyễn Thế Vinh	Ủy viên

Danh sách này có 19 người./.

Số: **2651** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng Khoa khoa Xây dựng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-MĐC ngày 24/6/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét nhu cầu công tác và năng lực cán bộ;

Xét đề nghị của Trường khoa Xây dựng và Trường phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Khoa khoa Xây dựng nhiệm kỳ 2015 - 2020 gồm các viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng Khoa khoa Xây dựng có nhiệm vụ tư vấn cho Trường khoa trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đổi mới quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của khoa Xây dựng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trường khoa Xây dựng, Trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB₍₁₎.



PGS.TS Lê Hải An



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG KHOA KHOA XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số: 2651 /QĐ-MĐC ngày 21 tháng 12 năm 2016)

- | | |
|--|------------|
| 1. TS Đỗ Ngọc Anh, Trưởng khoa Xây dựng | - Ủy viên; |
| 2. TS Nguyễn Trọng Dũng, Phó Trưởng khoa Xây dựng | - Ủy viên; |
| 3. ThS Nguyễn Tài Tiến, Phó Trưởng khoa Xây dựng | - Ủy viên; |
| 4. GS.TS Võ Trọng Hùng, Trưởng bộ môn Xây dựng CT ngầm và Mỏ | - Ủy viên; |
| 5. TS Nguyễn Văn Mạnh, Trưởng bộ môn Kỹ thuật xây dựng | - Ủy viên; |
| 6. PGS.TS Nguyễn Xuân Mãn, bộ môn Kỹ thuật xây dựng | - Ủy viên; |
| 7. PGS.TS Tạ Đức Thịnh, bộ môn Xây dựng Hạ tầng cơ sở | - Ủy viên. |

Danh sách này có 07 người./.

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG
Về việc rà soát Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo
Ngành Kỹ thuật xây dựng

I. THÀNH PHẦN

1. Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất: Các thành viên Hội đồng kèm theo Quyết định số 63/QĐ-MĐC, ngày 16/01/2018 về việc thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2015-2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Đại diện Hội đồng Khoa khoa Xây dựng. Các thành viên kèm theo Quyết định số 2651/QĐ-MĐC, ngày 21/12/2016 về việc thành lập Hội đồng Khoa khoa Xây dựng của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Thời gian: 9h15, ngày 07 tháng 5 năm 2018.

Địa điểm: Phòng họp Thuận Thành, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

II. NỘI DUNG

1. GS.TS Trần Thanh Hải - Phó Hiệu trưởng, Phó chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất giới thiệu nội dung cuộc họp: Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng - Khoa Xây dựng. Chương trình đào tạo của ngành được xây dựng theo chương trình khung trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. TS. Đỗ Ngọc Anh - Trưởng khoa Xây dựng phát biểu và giới thiệu về quá trình rà soát lại Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng.

3. TS. Đặng Trung Thành - Phó trưởng khoa Xây dựng đại diện cho khoa trình bày chi tiết về nội dung rà soát chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo của ngành Kỹ thuật Xây dựng. Trình bày những nội dung sau:

- Trình bày tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành ngành Kỹ thuật Xây dựng - khoa Xây dựng.

- Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng như mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể là kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học. Sự cần thiết đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thời gian đào tạo 5 năm theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ): 160-167 tín chỉ.

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành theo Quyết định số 43/2007/BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH, ngày

18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC, ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ).

- Nội dung chương trình: Kiến thức giáo dục đại cương (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, kiến thức chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp).

III. CÁC Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. PGS.TS Dư Thị Xuân Thảo - Phó trưởng phòng phụ trách phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục, Ủy viên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng đáp ứng mọi yêu cầu thực tế của xã hội, nội dung đáp ứng được mục tiêu, phù hợp với trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội đất nước.

Đồng ý thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.

2. PGS. TS Nguyễn Đức Khoát - Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Ủy viên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.

Nội dung chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng sau khi rà soát, điều chỉnh có chất lượng tốt, phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo của Nhà trường. Nội dung chương trình được xây dựng trên cơ sở có sự đầu tư nghiên cứu sâu, rộng nên tương đối toàn diện và đầy đủ.

Nhất trí thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo Trường của ngành Kỹ thuật Xây dựng và chỉnh sửa với nội dung sau:

- Chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ:

+ Phần kiến thức bổ trợ chuyên ngành:

Môn Cơ sở trắc địa công trình + BTL - MHP: 4050101-3TC thay thành môn Trắc địa công trình - MHP: 4050114-3TC

+ Phần kiến thức chuyên ngành:

Môn Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm - MHP: 4100120 -2TC thay đổi môn Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm + BTL - MHP: 4100120 -3TC.

+ Phần hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mỏ:

Bổ sung thêm môn Đồ án xây dựng giếng đứng - MHP: 4100152- 1TC

- Chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm:

+ Phần kiến thức bổ trợ chuyên ngành:

Môn Cơ sở trắc địa công trình + BTL - MHP: 4050101-3TC thay thành môn Trắc địa công trình - MHP: 4050114-3TC

+ Phần kiến thức giáo dục chuyên ngành:

Môn Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm dân dụng và công nghiệp - MHP: 4100115-2TC thay đổi môn Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm dân dụng và công nghiệp + BTL - MHP: 4100115-3TC.

- Chuyên ngành Xây dựng công trình mỏ:

+ Phần kiến thức chuyên ngành:

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng được xây dựng có mục tiêu rõ ràng, đảm bảo đào tạo sinh viên có kiến thức đại cương và chuyên ngành. Kế hoạch đào tạo được sắp xếp và phân bổ hợp lý, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên.

Nhất trí thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.

IV. PHẢN TRẢ LỜI CỦA KHOA

TS. Đỗ Ngọc Anh - Trưởng khoa Xây dựng

Giải thích đầy đủ và chi tiết những ý kiến đóng góp của thành viên Hội đồng:

- Trao đổi và làm rõ một số vấn đề mà các thành viên của hội đồng đưa ra; Tóm tắt việc chuẩn bị kỹ lưỡng của Khoa từ việc thành lập ban xây dựng và rà soát thường xuyên tới việc phân công các cán bộ trong Khoa tham gia xây dựng các nội dung của chương trình đào tạo.

- Tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, Khoa Xây dựng và Ban xây dựng các chuyên ngành sẽ tiến hành chỉnh sửa và hoàn thiện hoàn chỉnh.

1. Tiếp thu các ý kiến đóng góp và sẽ chỉ đạo các Bộ môn chỉnh sửa những thiếu sót trong Chương trình đào tạo;

2. Chỉ đạo các bộ môn trực tiếp chỉnh sửa các chương trình đào tạo theo những đóng góp của Hội đồng;

3. Đề nghị phòng Đào tạo Đại học cập nhật những nội dung đã chỉnh sửa.

V. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

Phó chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mở - Địa chất, GS.TS Trần Thanh Hải tổng kết các ý kiến của các thành viên trong Hội đồng và kết luận:

1. Đồng ý các yêu cầu rà soát chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng.

2. Khoa Xây dựng và Bộ môn hoàn chỉnh những nội dung đã góp ý.

3. Phòng Đào tạo Đại học phối hợp với Khoa Xây dựng và các Bộ môn xác định, điều chỉnh mã số các học phần thay đổi, kiểm tra, thẩm định và trình Nhà trường ra quyết định./.

THƯ KÝ



PGS. TS Nguyễn Đức Khoát

CHỦ TỌA



Môn Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm - MHP: 4100120-2TC thay đổi môn Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm mở + BTL - MHP: 4100120-3TC.

Bổ sung thêm môn Đồ án xây dựng giếng đứng - MHP: 4100152 - 1TC

3.TS. Nguyễn Thế Vinh - Trưởng khoa Dầu khí, Ủy viên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.

Nhất trí thông qua chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật Xây dựng về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo 5 năm với thời lượng 160-167 tín chỉ.

Chỉnh sửa chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp với thời lượng từ 162 tín chỉ thành 163 tín chỉ như sau:

+ Phần kiến thức chuyên ngành:

Môn Trắc địa phổ thông - MHP: 4050526 -2 TC; Thực tập Trắc địa phổ thông - MHP: 4050527-1TC thay thành môn Trắc địa công trình + BTL - MHP: 4050114-3TC.

Bổ sung thêm môn Đồ án cơ học đất - nền móng - MHP: 4040503-1TC.

4. PGS.TS Đỗ Văn Bình - Trưởng khoa Môi trường, Ủy viên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.

Chương trình đào tạo đầy đủ kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành đối với kỹ sư ngành Kỹ thuật Xây dựng.

Nhất trí thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo Trường thay đổi chuyên ngành Xây dựng hạ tầng cơ sở với thời lượng 160 tín chỉ như sau:

+ Phần kiến thức bổ trợ chuyên ngành:

Môn Vẽ kỹ thuật – MHP: 4010402-2TC thay đổi thành môn Vẽ kỹ thuật xây dựng – MHP: 4010404-2TC.

+ Phần kiến thức chuyên ngành:

Môn Cơ sở trắc địa công trình + BTL - MHP: 4050101-3TC thay thành môn Trắc địa công trình - MHP: 4050114-3TC.

+ Phần kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa:

Bổ sung môn An toàn lao động trong xây dựng - MHP: 4100326 -2TC.

4. TS. Nguyễn Duy Lạc - Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Ủy viên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.

Ngành Kỹ thuật Xây dựng cần bổ sung thêm hệ thống giáo trình điện tử cho các học phần trong chương trình đào tạo.

Mục tiêu của chương trình đào tạo rõ ràng đáp ứng yêu cầu của khoa học và thực tiễn.

Cấu trúc, thời lượng và nội dung của chương trình đào tạo ngành Xây dựng.

Thời lượng phù hợp với khối lượng kiến thức yêu cầu.

Nhất trí thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo trường ngành Kỹ thuật Xây dựng.

5. GS.TS Trần Thanh Hải - Phó Hiệu trưởng, Phó chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

Số: **241**/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **24** tháng **3** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ - Mã số: 758020101 (ngành Kỹ thuật Xây dựng - Mã số: 7580201)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ công văn số 09/MĐC-XD ngày 19/3/2018 của Hội đồng khoa học khoa Xây dựng về việc thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường khoa Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTĐH (09)



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH

**TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**

*(Kèm theo Quyết định số 1241 /QĐ-MĐC ngày 21 tháng 3 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. GS.TS Võ Trọng Hùng | Trưởng bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Tổ trưởng. |
| 2. TS. Đặng Trung Thành | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thư ký. |
| 3. TS. Đỗ Ngọc Anh | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |
| 4. TS. Ngô Doãn Hào | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |
| 5. TS. Đào Viết Đoàn | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |
| 6. TS. Trần Tuấn Minh | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |
| 7. ThS. Đặng Văn Kiên | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |
| 8. TS. Nguyễn Duyên Phong | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |

Tổng số: 08 cán bộ./.

V/v thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh
chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra

**Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.**

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào thông báo số 141/MĐC-ĐTĐH ngày 12/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và mỏ về việc thành lập tổ công tác rà soát cho chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ - Mã số: 758020101 thuộc ngành Kỹ thuật Xây dựng, Mã số: 7580201

Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra:

1. GS.TS Võ Trọng Hùng: Trưởng bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Tổ trưởng.
2. TS. Đặng Trung Thành: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thư ký.
3. TS. Đỗ Ngọc Anh: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.
4. TS. Ngô Doãn Hào: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.
5. TS. Đào Viết Đoàn: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.
6. TS. Trần Tuấn Minh: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.
7. ThS. Đặng Văn Kiên: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.
8. TS. Nguyễn Duyên Phong: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.

Trân trọng cảm ơn./.

Hội đồng khoa học Khoa Xây dựng

Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ


Võ Trọng Hùng


Đặng Trung Thành.

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Mã số: 758020101 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201

Ngày 21/03/2018, vào lúc 8h00, Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đã họp đã họp về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học chuyên ngành: Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Mã số: 758020101 thuộc ngành: Kỹ thuật xây dựng - Mã số 7580201. Thành phần tham dự:

- Các cán bộ tham gia giảng dạy Đại học chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng

- Chủ trì cuộc họp: GS.TS. Võ Trọng Hùng - Trưởng bộ môn (Tổ trưởng công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ)

- Thư ký: TS. Đặng Trung Thành (Thư ký tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ).

NỘI DUNG:

1. GS.TS. Võ Trọng Hùng - chủ trì cuộc họp nêu lý do tổ chức cuộc họp.

2. GS.TS. Võ Trọng Hùng thay mặt Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.

3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:

3.1. TS. Đỗ Ngọc Anh:

Mục tiêu đào tạo và chương trình đào tạo cần được rà soát, điều chỉnh để cơ bản đáp ứng được những yêu cầu của một kỹ sư Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ sau khi ra trường, đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển của ngành xây dựng hiện tại và trong tương lai. Trong bối cảnh hội nhập, mở cửa như hiện nay, chương trình đào tạo cần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng đa dạng, cập nhật, giúp sinh viên thích nghi nhanh nhất với môi trường làm việc quốc tế và sinh viên cũng đủ khả năng để làm việc trong nhiều vị trí việc làm đa dạng trong ngành xây dựng.

3.2. TS. Đào Viết Đoàn:

Về cơ bản Chương trình đã hợp lý, tuy nhiên cần thêm BTL cho các môn học tính toán thiết kế để nâng cao tính thực hành cho sinh viên thuận tiện cho làm đồ án môn học và đồ án tốt nghiệp cũng như sau khi ra trường.

3.3. ThS. Đặng Văn Kiên:

Chương trình đào tạo cần được cân đối giữa việc cung cấp kiến thức và phát triển kỹ năng thực hành cho sinh viên. Nên duy trì các học phần Đồ án môn học như hiện tại để tăng tính thực hành cho sinh viên sau khi học xong phần lý thuyết.

Về cơ bản đồng ý với các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác rà soát, điều chỉnh.

Đề nghị thay tên môn học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm + BTL (MHP: 4100120). để tăng tính thực hành cho sinh viên.

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mỏ;

4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trả lời và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung trong chương trình đào tạo.

3.4. TS. Đặng Trung Thành:

Chương trình đào tạo cần được cân đối giữa việc cung cấp kiến thức và phát triển kỹ năng thực hành cho sinh viên. Đồng ý với ý kiến của Thầy Đào Viết Đoàn và Thầy Đặng Văn Kiên về điều chỉnh môn học.

3.4. TS. Nguyễn Duyên Phong:

Đồng ý với ý kiến của các Thầy về điều chỉnh tên học phần.

5. GS.TS. Võ Trọng Hùng tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung rà soát, điều chỉnh trong chương trình đào tạo và phân công nhiệm vụ cho các cá nhân trong việc điều chỉnh lại chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trước khi thông qua Hội đồng Khoa khoa Xây dựng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường:

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mỏ;

- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm + BTL (MHP: 4100120).

Cuộc họp kết thúc hồi 11h00 cùng ngày, biên bản cuộc họp được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



Đặng Trung Thành.

CHỦ TRÌ



Võ Trọng Hùng

BIÊN BẢN HỘI THẢO

Về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018

Ngày 28/03/2018, lúc 8h30, Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ở trình độ Đại học chuyên ngành Xây Công trình ngầm và mỏ.

Thành phần tham dự:

- Thành viên Hội đồng Khoa khoa Khoa Xây dựng,
- Thành viên Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo
- Các Đại biểu khách mời
- Chủ trì cuộc họp: GS.TS. Võ Trọng Hùng – Trưởng bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ;
- Thư ký: TS. Đặng Trung Thành

NỘI DUNG:

1. GS.TS. Võ Trọng Hùng chủ trì buổi hội thảo nêu lý do tổ chức cuộc họp.
2. GS.TS. Võ Trọng Hùng thay mặt Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ năm 2016; các nội dung điều chỉnh - bổ sung, thay đổi trong CTĐT Đại học chuyên ngành Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ.
3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:
 - GS.TS. Võ Trọng Hùng - Chủ tịch Hội đồng Khoa khoa Xây dựng:
Hoàn toàn đồng ý với đề xuất điều chỉnh các học phần do Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đưa ra để chương trình đào tạo phù hợp hơn với thực tế cũng như với chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ của các trường khác trong và ngoài nước.
 - PGS.TS. Tạ Đức Thịnh:
Đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ do Bộ môn đưa ra.
 - PGS.TS. Nguyễn Xuân Mẫn:
Hoàn toàn đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ do Bộ môn đưa ra để phù hợp hơn trong logic các môn học thuộc chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp.
 - TS. Đỗ Ngọc Anh:
Đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ do Bộ môn đưa ra.
 - TS. Nguyễn Trọng Dũng:
Đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm do Bộ môn đưa ra.

- TS. Nguyễn Văn Mạnh:

Đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ do Bộ môn đưa ra.

- TS. Đặng Trung Thành:

Đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ do Bộ môn đưa ra.

4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trao đổi và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018.

5. GS.TS. Võ Trọng Hùng - chủ trì cuộc họp - tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung cần điều chỉnh phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018 như sau:

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mỏ;

- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm + BTL (MHP: 4100120).

Buổi hội thảo kết thúc hồi 11h00 cùng ngày, biên bản hội thảo được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THƯ KÝ CUỘC HỌP


Đặng Trung Thành

CHỦ TRÌ


Võ Trọng Hùng

Số: 1242/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành
Xây dựng công trình ngầm và mỏ - Mã số: 758020101; ngành Kỹ thuật xây dựng -
Mã số: 7580201 của Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1241/QĐ-MĐC ngày 21/3/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ - Mã số: 758020101 (ngành Kỹ thuật Xây dựng - Mã số: 7580201);

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học, Trường phòng Đào tạo Sau đại học, Trường khoa Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ (ngành Kỹ thuật Xây dựng) gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện thẩm định chương trình theo Quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Đào tạo Đại học, Trường phòng Đào tạo Sau đại học, Trường khoa Xây dựng, Trường các đơn vị có liên quan và các thành viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₉₎.



PGS.TS Lê Hải Ân

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM VÀ MỎ -
MÃ SỐ: 758020101 (NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG - MÃ SỐ: 7580201)**



(Kèm theo QĐ số: 124/QĐ-MĐC ngày 9/4/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	GS. TS Võ Trọng Hùng	Trưởng bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Chủ tịch hội đồng
2	TS. Đặng Trung Thành	Phó trưởng khoa, Phó trưởng bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký
3	GS. TS Đỗ Như Tráng	Học viện kỹ thuật Quân sự	Ủy viên
4	TS. Đỗ Ngọc Anh	Trưởng Khoa Xây dựng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
5	PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
6	TS. Phan Văn Đoàn	Giám đốc công ty Đông Dương	Ủy viên
7	TS. Phạm Minh Đức	Nguyên phó Viện trưởng - Viện khoa học công nghệ mỏ	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Bình	Hội khoa học công nghệ mỏ	Ủy viên
9	TS. Lê Văn Công	Phòng xây dựng mỏ - Viện khoa học công nghệ mỏ	Ủy viên

Tổng số: 09 cán bộ./.

Số: 28/MĐC-XD

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018

V/v thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
trình độ đại học chuyên ngành Xây dựng CTN&M
của Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cho chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ, Mã số: 758020101 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201.

Khoa Xây dựng kính đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học cho thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ với danh sách như sau:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. GS.TS. Võ Trọng Hùng | Trưởng bộ môn Xây dựng CTN&M, Đại học Mỏ - Địa chất,
Chủ tịch hội đồng. |
| 2. TS. Đặng Trung Thành | Phó Trưởng Khoa, Phó trưởng Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Đại học Mỏ - Địa chất.
Thư ký. |

- | | |
|----------------------------|---|
| 3. GS.TS. Đỗ Như Tráng | Học Viện kỹ thuật Quân Sự
Ủy viên. |
| 4. TS. Đỗ Ngọc Anh | Trưởng Khoa Xây dựng, Đại học Mỏ - Địa chất,
Ủy viên. |
| 5. PGS.TS Nguyễn Đức Khoát | Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Đại học Mỏ - Địa
chất,
Ủy viên. |
| 6. TS. Phan Văn Đoàn | Giám đốc Công ty Đông Dương,
Ủy viên |
| 7. TS. Phạm Minh Đức | Viện khoa học Công nghệ mỏ,
Ủy viên |
| 8. TS. Nguyễn Bình | Hội khoa học công nghệ mỏ,
Ủy viên |
| 9. TS. Lê Văn Công: | Viện khoa học Công nghệ mỏ.
Ủy viên |

Trân trọng cảm ơn./.

**Chủ tịch Hội đồng Khoa
Khoa Xây dựng**



GS.TS. Võ Trọng Hùng

**Bộ môn Xây dựng Công trình
ngầm và mỏ**



TS. Đặng Trung Thành

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG CTN&M, MÃ SỐ: 758020101
THUỘC NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG - MÃ SỐ: 7580201

Hôm nay, vào lúc 8h30ph ngày 15 tháng 4 năm 2018 tại phòng F208 Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy chuyên ngành Xây dựng CTN&MM Mã số: 758020101 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201 của Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Cơ quan công tác	Chuyên ngành	Trách nhiệm trong Hội đồng	Ghi chú
1	GS.TS Võ Trọng Hùng	Trưởng bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.	XDCTN&M	Chủ tịch	
2	TS. Đặng Trung Thành	Phó Trưởng Khoa, Phó trưởng Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất,	XDCTN&M	Thư ký	
3	GS.TS. Đỗ Như Tráng	Học Viện kỹ thuật Quân Sự	XDCTN	Ủy viên	
4	TS. Đỗ Ngọc Anh	Trưởng Khoa Xây dựng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	XDCTN&M	Ủy viên	
5	PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Tự động hóa	Ủy viên	
6	TS. Phan Văn Đoàn	Giám đốc Công ty Đông Dương,	XDCTN&M	Ủy viên	
7	TS Phạm Minh Đức	Nguyên phó Viện Trưởng, - Viện khoa học Công nghệ	XDCTN&M	Ủy viên	

8	TS. Nguyễn Bình	Hội khoa học công nghệ mỏ,	XDCTN&M	Ủy viên	
9	TS. Lê Văn Công	Phòng Xây dựng mỏ - Viện khoa học Công nghệ	XDCTN&M	Ủy viên	

II. Nội dung thẩm định

1. Bộ môn báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy chuyên ngành Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ, Mã số: 758020101 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201.

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng về chương trình đào tạo:

- PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát: Đồng ý với nội dung và hình thức của Chương trình đào tạo vì đảm bảo tính pháp lý, có cơ sở căn cứ khoa học, có xem xét đến nhu cầu thị trường nhân lực của ngành Xây dựng công trình ngầm.

- GS.TS. Đỗ Như Tráng: Đánh giá cao về tính pháp lý, tính hiện đại của Chương trình đào tạo do Bộ môn xây dựng. Mục tiêu đào tạo đưa ra phù hợp với nội dung và thời lượng của Chương trình. Đề cương xây dựng ở các học phần là khá chi tiết, rõ ràng. Song cần phải xem xét bổ sung những học phần thí nghiệm, thực hành cho chương trình đào tạo.

- TS. Đỗ Ngọc Anh: Nhất trí với Chương trình đào tạo do Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đề xuất về mục tiêu đào tạo, nội dung, thời lượng phân bổ ở các học kỳ cũng như đề cương chi tiết của các học phần nhưng phải xem lại một số học phần phân bổ thời gian chưa phù hợp với từng chương, từng nội dung bài giảng.

- TS. Nguyễn Bình: Đồng ý với chương trình đào tạo đã xây dựng nhưng cần đưa một số học phần mang tính học thuật dạng chuyên đề để sinh viên có những kiến thức thực tế hơn.

- Các ý kiến khác: Nhìn chung đều đồng ý với nội dung và hình thức của Chương trình đào tạo trình độ Đại học chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm.

3. Bộ môn trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng thẩm định

- Bộ môn sẽ tiếp thu ý kiến của các Nhà khoa học để xem xét những bất hợp lý trong Chương trình đào tạo đã xây dựng.

- Bộ môn sẽ kết hợp cùng với Hội đồng Khoa học Xây dựng để chỉnh sửa bổ sung các môn học tự chọn phù hợp với ngành đào tạo. Đồng thời cùng với các giáo viên chuyên môn ở các tổ học phần sẽ xem xét lại thời lượng phân bổ cho một số học phần nhằm đảm bảo phù hợp với thời lượng cũng như nâng cao sự hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Bộ môn đánh giá cao sự đóng góp của các đơn vị sản xuất để nâng cao chất lượng của bài giảng, học phần nhằm đảm bảo yêu cầu thực tế.

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín

Hội đồng đã bầu ra ban kiểm phiếu gồm 3 đồng chí:

TS. Nguyễn Bình: Trưởng ban kiểm phiếu

TS. Đỗ Ngọc Anh: Thư ký

TS. Lê Văn Công: Ủy viên
Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín.

5. Kết quả thẩm định bằng phiếu

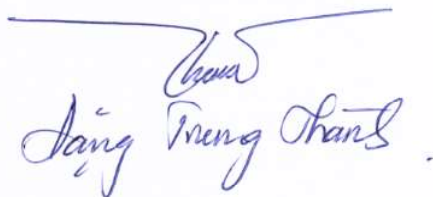
- Số phiếu đánh giá Chương trình phát ra: 9 phiếu
- Số phiếu đánh giá Chương trình thu về: 9 phiếu
- Phiếu hợp lệ: 9 phiếu
- Phiếu không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu đánh giá Chương trình đạt yêu cầu: 9 phiếu
- Số phiếu đánh giá Chương trình không đạt yêu cầu: 0 phiếu

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

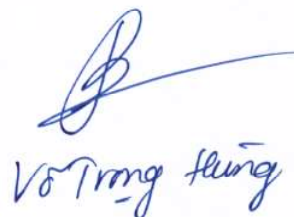
Đồng ý với Chương trình đào tạo Đại học ngành Xây dựng CTN&M do Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đề xuất ở trên. Tuy nhiên, cần chỉnh sửa những hạn chế đã nêu trên.

Phiên họp kết thúc vào hồi 11h45ph cùng ngày./.

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)


Trương Thanh

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)


Võ Trọng Hùng

HIỆU TRƯỞNG



Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA
KHOA XÂY DỰNG

**Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng CTN&M, Mã số: 758020101
thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201**

I. THÀNH PHẦN:

1. Hội đồng Khoa khoa Xây dựng: các thành viên kèm theo Quyết định số 2651/QĐ-MĐC, ngày 21/12/2016 về việc thành lập Hội đồng Khoa khoa Xây dựng của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Đại diện lãnh đạo Bộ môn Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ

II. THỜI GIAN: 8h00, ngày 2 tháng 4 năm 2018.

III. ĐỊA ĐIỂM: Phòng 510 Nhà 12 tầng, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

IV. NỘI DUNG:

1. GS.TS. Võ Trọng Hùng - Chủ tịch Hội đồng Khoa khoa Xây dựng giới thiệu nội dung cuộc họp: Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng CTN và mỏ, Mã số: 758020101 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201. Chương trình đào tạo của ngành được xây dựng theo chương trình khung trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. TS. Đặng Trung Thành – Phó Trưởng Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đại diện cho Bộ môn trình bày chi tiết về nội dung rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng CTN&M, Mã số: 758020101 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201:

- Mục tiêu của Chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ.

- Thời gian đào tạo 5 năm theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ): 162 tín chỉ.

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.

- Nội dung chương trình: Kiến thức giáo dục đại cương (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, kiến thức chuyên ngành, thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp).

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mỏ;

- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm + BTL (MHP: 4100120).

V. CÁC Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. TS. Đỗ Ngọc Anh - Trưởng Khoa Xây dựng:

Căn cứ vào phiếu khảo sát tình hình công việc thực tế tại các đơn vị sử dụng các kỹ sư chuyên ngành Xây dựng CTN&M, cần phải tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu thực tế, chủ yếu tập trung giảng dạy các học phần kiến thức đáp ứng yêu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động.

2. TS. Đặng Trung Thành - Phó trưởng khoa Xây dựng:

Nội dung chỉnh sửa như báo cáo là phù hợp với thực tế và yêu cầu đào tạo và thực tế của các đơn vị sử dụng lao động hiện nay.

3. TS. Nguyễn Trọng Dũng - Trưởng Bộ môn Hạ tầng cơ sở:

Nhất chí với nội dung điều chỉnh, Việc đề xuất chỉnh sửa CTĐT của bộ môn là rất cần thiết và phù hợp với thực tế. Đồng ý với những chỉnh sửa như trong báo cáo.

4. GS.TS. Võ Trọng Hùng - Trưởng bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ:

Nội dung chương trình có chất lượng tốt, phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo của Nhà trường. Nội dung chương trình được xây dựng trên cơ sở có sự đầu tư nghiên cứu sâu, rộng nên tương đối toàn diện và đầy đủ.

5. PGS.TS Tạ Đức Thịnh - Bộ môn Hạ tầng cơ sở:

Đồng ý với nội dung điều chỉnh, Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản về dung lượng kiến thức và phù hợp với thực tiễn, trong quá trình xây dựng đã chú trọng đến khả năng đáp ứng yêu cầu nhu cầu thực tiễn của người học.

6. PGS.TS Nguyễn Xuân Mãn - Bộ môn Kỹ thuật xây dựng:

Nhất trí với nội dung chương trình và kế hoạch học tập chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Nội dung chương trình khá hoàn chỉnh, phù hợp với yêu cầu chung của Bộ Giáo Dục và Đào tạo cũng như của các cơ sở sử dụng lao động tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp.

VI. PHẦN TRẢ LỜI CỦA BỘ MÔN

GS.TS. Võ Trọng Hùng - Trưởng bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ

Tổng hợp các ý kiến đóng góp, trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng Khoa khoa Xây dựng về báo cáo rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng CTN&M.

VII. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

GS.TS. Võ Trọng Hùng - Chủ tịch Hội đồng Khoa khoa Xây dựng - tổng kết các ý kiến của các thành viên trong Hội đồng và kết luận: Đồng ý với những điều chỉnh chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ theo đề xuất của Bộ môn Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ:

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mỏ;

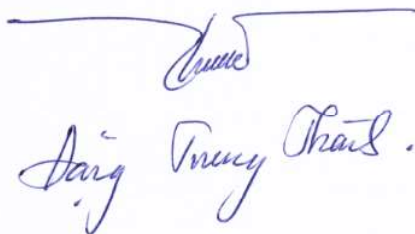
- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm + BTL (MHP: 4100120).

Hội đồng Khoa khoa Xây dựng nhất trí thông qua và kính chuyển lên Nhà trường xem xét, ra quyết định.

Biên bản hội thảo được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

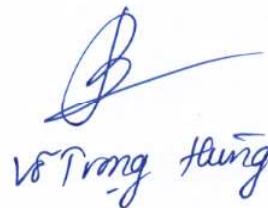
Buổi hội thảo kết thúc lúc 11h30' cùng ngày.

THƯ KÝ



Đặng Trung Thành.

CHỦ TỌA



Võ Trọng Hùng

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN,
CHUẨN ĐẦU RA**

Chuyên ngành Xây dựng CTN&M, Mã số: 758020101

thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201

Trình độ: Đại học

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa. Bộ môn Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ báo cáo kết quả rà soát chương trình đào tạo như sau:

Phần I. Nội dung

1. Nội dung, cấu trúc, thời lượng, mức độ liên thông

- Mức độ cập nhật, hội nhập so với các trường trong nước cũng như quốc tế:

Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần của chuyên ngành Xây dựng CTN&M sau khi rà soát, điều chỉnh đã cập nhật, hội nhập so với các trường trong nước cũng như quốc tế.

- Kết quả rà soát nội dung kiến thức đối với cấu trúc của chương trình đào tạo, các khối kiến thức, các học phần bắt buộc, tự chọn:

Trong chương trình đào tạo hiện nay, có các học phần chưa phù hợp với mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Xây dựng CTN&M là:

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mỏ;

- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm + BTL (MHP: 4100120).

- Đánh giá thời lượng của chương trình đào tạo:

Thời lượng đào tạo của chương trình là 5 năm là phù hợp với khối lượng kiến thức được trang bị của người học.

- Đánh giá mức độ liên thông của chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo có tính liên thông giữa các bậc học và các chuyên ngành trong cùng ngành Kỹ thuật xây dựng.

2. Đề cương chi tiết học phần

- Về mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của các học phần đưa ra là phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Về thời lượng, nội dung kiến thức của học phần:

Thời lượng cũng như nội dung kiến thức của các học phần được phân phối như hiện nay là tương đối phù hợp với mục tiêu đào tạo. Tuy nhiên các nội dung kiến thức chuyên ngành cần được cập nhật thường xuyên để đáp ứng yêu cầu phát triển của khoa học kỹ thuật chuyên ngành cũng như các lĩnh vực khoa học kỹ thuật khác.

- Tài liệu tham khảo:

Về cơ bản đáp ứng được yêu cầu về tài liệu phục vụ học tập cho các học phần. Tài liệu tham khảo cũng nên được cập nhật thường xuyên phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn.

3. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

- Mức độ phù hợp với mục tiêu chung của nhà trường:

Mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Xây dựng CTN&M hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng CTN&M được xây dựng trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá của người sử dụng lao động nên cơ bản đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động.

Phần II. Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp

- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng CTN&M tương đối phù hợp với thực tế sản xuất.
- Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo của chương trình đào tạo là phù hợp.
- Nên có nhiều học phần BTL, đồ án và thực hành để đáp ứng và cập nhật được các kiến thức thực tế cho sinh viên, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể nắm bắt được ngay các công việc được giao.
- Nên giảm khối lượng kiến thức đại cương để tăng khối lượng kiến thức chuyên ngành giúp trang bị cho sinh viên nhiều kiến thức chuyên ngành hơn, đáp ứng yêu cầu của công việc sau khi tốt nghiệp.
- Nhà trường nên xây dựng các cơ sở thực tập, thực hành để có thể chủ động hơn trong quá trình bố trí thực tập, thực hành của sinh viên.

Phần III. Kiến nghị

Kiến nghị Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo Đại học cho điều chỉnh các học phần:

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giằng đứng (MHP: 4090550) trong hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mỏ;

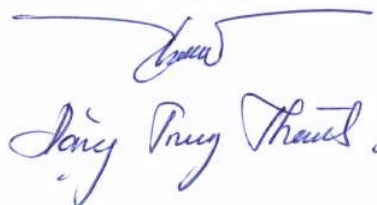
- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm + BTL (MHP: 4100120).

TRƯỜNG KHOA



TS. Đỗ Ngọc Anh

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



**BÁO CÁO CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**
Chuyên ngành Xây dựng CTN&M, Mã số: 758020101
thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201
Trình độ: Đại học

Bộ môn đã thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trình độ đại học đảm bảo các yêu cầu của Nhà trường;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa;

Được sự phân công của lãnh đạo, từ tháng 3 đến tháng 4, Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đã thực hiện việc nghiên cứu và chỉnh sửa chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng CTN&M, các nội dung đã chỉnh sửa cụ thể như sau:

1. Mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mỏ.	Để phù hợp với chuyên ngành xây dựng CTN&M	- Các cuộc họp về rà soát điều chỉnh Chương trình đào tạo	
2	- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm + BTL (MHP: 4100120).	Để phù hợp với chuyên ngành xây dựng CTN&M	- Các cuộc họp về rà soát điều chỉnh Chương trình đào tạo	

2. Đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không chỉnh sửa				

3. Chuẩn đầu ra

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không chỉnh sửa			

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Ngọc Anh

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



Hàng Trung Thành

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Phan Văn Đoàn

Chức danh: PGĐ. Học vị TS Năm bảo vệ: 1987

Cơ quan công tác: Công ty nhập khẩu và Phân phối than điện lực dầu khí

Ngành: Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ mã số:
758020101, ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng - Mã số: 7580201

Của bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ - Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ
- Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Đảm bảo yêu cầu chương trình đào tạo kỹ sư ngành kỹ thuật Xây dựng, chương trình học phong phú về số lượng môn học lĩnh vực ngành.

2. Về hình thức chương trình:

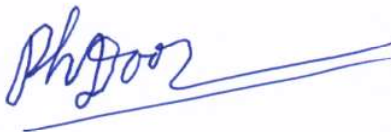
Hình thức chương trình đào tạo 5 năm phù hợp với ngành kỹ thuật và đáp ứng được năng lực sau khi ra trường, hình thức đào tạo tập trung, phân bổ các học phần trong các kỳ học hợp lý, có nhiều môn tự chọn mang tính liên ngành.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Điều chỉnh các môn học theo xu hướng phát triển của công nghệ kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng và công trình ngầm mỏ.

Ngày 15 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



TS. Phan Văn Đoàn

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Nguyễn Bình

Chức danh: Chánh văn phòng Hội khoa học Mỏ, Năm phong 2010, Học vị TS Năm bảo vệ: 1997

Cơ quan công tác: Hội Khoa học Mỏ

Ngành: Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ mã số: 758020101, ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng - Mã số: 7580201

Của bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ - Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Đảm bảo yêu cầu chương trình đào tạo kỹ sư ngành kỹ thuật Xây dựng, chương trình có nhiều môn học chuyên ngành sâu đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường.

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức chương trình đào tạo 5 năm phù hợp với ngành kỹ thuật và đáp ứng được năng lực sau khi ra trường, hình thức đào tạo tập trung, phân bổ các học phần trong các kỳ học hợp lý.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Cần biên soạn nhiều tài liệu tham khảo chuyên sâu cho các môn học chuyên ngành để sinh viên tự học và nghiên cứu.

Ngày 15 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



TS. Nguyễn Bình

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Lê Đình Tân

Chức danh: Đại tá, Học vị TS Năm bảo vệ: 1995

Cơ quan công tác: Bộ Tư lệnh Công binh

Ngành: Xây dựng Công trình Ngầm Quân sự

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ, ngành Kỹ thuật
Công trình Xây dựng - Mã số: 7580201

Của bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ - Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ
- Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Đảm bảo yêu cầu chương trình đào tạo kỹ sư ngành kỹ thuật Xây dựng, chương trình có nhiều hướng chuyên sâu để sinh viên lựa chọn, các môn học trong tự chọn trường và tự chọn khoa khá đa dạng.

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức chương trình đào tạo phù hợp với người học và đáp ứng được năng lực của sinh viên, hình thức đào tạo cho phép người học chủ động, tự học phát huy tính tự lực của sinh viên

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Cần tăng cường thời lượng làm bài tập lớn trong các môn học để phát huy tính tự lực của sinh viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



TS. Lê Đình Tân

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: PGS.TS Nguyễn Đức Khoát

Chức danh PGS Năm phong 2012 Học vị TS Năm bảo vệ: 2007

Cơ quan công tác: Trường Đại học Mỏ - Địa Chất

Ngành: Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ mã số:
758020101, ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng - Mã số: 7580201

Của bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ - Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ
- Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Đảm bảo yêu cầu chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Xây dựng Công trình
ngầm và mỏ, ngành kỹ thuật Xây dựng.

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức đào tạo phù hợp với người học và đánh giá năng lực của sinh viên khi ra
trường

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình xây dựng có nhiều hướng chuyên sâu ngành do vậy cần ra soát lại
khối lượng kiến thức cơ sở ngành để đảm bảo đủ điều kiện cho sinh viên đáp ứng được
các hướng chuyên sâu đã xây dựng. Bên cạnh đó cần bổ sung thêm thí nghiệm cho các
môn học chuyên ngành.

Ngày 15 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



PGS.TS Nguyễn Đức Khoát

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM VÀ MỎ NĂM 2016, NĂM 2018

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Phân bố số tín chỉ				Tổ chức TC	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẮC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	165	LT	TH+TN	ĐA	TT	Lv				CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	167	
I		Kiến thức giáo dục đại cương	51									Kiến thức giáo dục đại cương	51	
I.1		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	45									Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	45	
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Đường lối	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	2	
2	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Đường lối	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2	3	
3	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Tư tưởng	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Tư tưởng	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	4010601	Tiếng Anh NEF1	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Ngoại ngữ	4010601	Tiếng Anh NEF1	3	
6	4010602	Tiếng Anh NEF2	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Ngoại ngữ	4010602	Tiếng Anh NEF2	3	
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1						1(1.0.2)	GDTC	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1						1(1.0.2)	GDTC	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1						1(1.0.2)	GDTC	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1						1(1.0.2)	GDTC	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1						1(1.0.2)	GDTC	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	
12	4020103	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Pháp luật	4020103	Pháp luật đại cương	2	
13	4010101	Dại số	3	60	0	0	0	0	3(3.0.6)	Toán	4010101	Dại số	3	
14	4010102	Giải tích 1	4	60	0	0	0	0	4(4.0.8)	Toán	4010102	Giải tích 1	4	
15	4010103	Giải tích 2	3	60	0	0	0	0	3(3.0.6)	Toán	4010103	Giải tích 2	3	
16	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	60	0	0	0	0	3(3.0.6)	Vật lý	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	
17	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Vật lý	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	
18	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Hóa	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	
19	4080201	Tin học đại cương + TH (dùng cho K. Thuật)	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Tin cơ bản	4080201	Tin học đại cương + TH (dùng cho K. Thuật)	3	
I.2		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6									Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6	
20	4010105	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Toán	4010105	Xác suất thống kê	2	
21	4010110	Toán tài vụ	2	45	0	0	0	0	2(2.0.4)	Toán	4010110	Toán tài vụ	2	
22	4010106	Phương pháp tính	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Toán	4010106	Phương pháp tính	2	
23	4010505	Cơ học chất lỏng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Cơ lý thuyết	4010505	Cơ học chất lỏng	2	
24	4010504	Cơ học ứng dụng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Cơ lý thuyết	4010504	Cơ học ứng dụng	2	
II		Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	33									Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	33	
25	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Cơ lý thuyết	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3	
26	4010502	Cơ học lý thuyết 2	2						2(2.0.4)	Cơ lý thuyết	4010502	Cơ học lý thuyết 2	2	
27	4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL + TN	3	60	0	0	0	0	3(3.0.6)	SBVL	4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL + TN	3	
28	4030502	Sức bền vật liệu 2 + BTL	3	15	0	0	0	0	3(3.0.6)	SBVL	4030502	Sức bền vật liệu 2 + BTL	3	
29	4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL	3	60	0	0	0	0	3(3.0.6)	SBVL	4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL	3	
30	4030508	Cơ học kết cấu 2 + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	SBVL	4030508	Cơ học kết cấu 2 + BTL	3	
31	4030514	Cơ học môi trường liên tục	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	SBVL	4030514	Cơ học môi trường liên tục	2	
32	4030515	Động lực học công trình	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	SBVL	4030515	Động lực học công trình	2	
33	4090413	Thủy lực cơ sở (B)	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTKK	4090413	Thủy lực cơ sở (B)	2	
34	4100201	Vật liệu xây dựng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTXD	4100201	Vật liệu xây dựng	2	
35	4100202	Thi nghiệm Vật liệu xây dựng	1	15	0	0	0	0	1(0.2.1)	KTXD	4100202	Thi nghiệm Vật liệu xây dựng	1	
36	4040519	Địa chất công trình	3	45	0	0	0	0	2(2.0.4)	ĐCCT	4040519	Địa chất công trình	3	
37	4040533	Thực tập địa chất công trình	1	15	0	0	0	0	1(0.2.1)	ĐCCT	4040533	Thực tập địa chất công trình	1	
38	4040502	Cơ học đất	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	ĐCCT	4040502	Cơ học đất	3	

STT	MA MH	Tên MH		TC	Phân bổ số tín chỉ					Tổ chức TC	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	MA MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẬC III	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016		165	LT	TH+TN	ĐA	TT	LV					CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018		167	Thêm nội dung thay đổi
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		67										Kiến thức giáo dục chuyên ngành		69	
III.1	Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc		38										Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc		39	
III.1.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		11										Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		11	
39	41010401	Hình học họa hình	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Hình họa	41010401	Hình học họa hình	2	
40	41010404	Vẽ kỹ thuật xây dựng	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Hình họa	41010404	Vẽ kỹ thuật xây dựng	2	
41	4040504	Nền và móng	2	30	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHBC	ĐCCT	4040504	Nền và móng	2	
42	4090550	Máy xây dựng	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	CB	Máy mô	4090550	Máy xây dựng	2	
43	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3	30	15	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ	TĐCT	4050114	Trắc địa công trình	3	
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành		27										Kiến thức chuyên ngành		28	
44	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	XĐ	KTXD	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	3	
45	4100206	Kết cấu thép	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	KTXD	4100206	Kết cấu thép	2	
46	4100105	Cơ sở thiết kế cấu tạo hệ thống công trình ngầm và mô	2	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	XĐ	XĐCTNM	4100105	Cơ sở thiết kế cấu tạo hệ thống công trình ngầm và mô	2	
47	4030223	Cơ sở thông gió	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KM	KTHL	4030223	Cơ sở thông gió	2	
48	4100103	Cơ học đất và khối đá	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	XĐ	XĐCTNM	4100103	Cơ học đất và khối đá	3	
49	4100104	Thí nghiệm Cơ học đất và khối đá	1	0	15	0	0	0	0	1(0.2.1)	XĐ	XĐCTNM	4100104	Thí nghiệm Cơ học đất và khối đá	1	
50	4100111	Xây dựng các công trình trên mặt đất	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100111	Xây dựng các công trình trên mặt đất	2	
51	4030113	Kỹ thuật khoan nổ mìn	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4030113	Kỹ thuật khoan nổ mìn	2	
52	4100120	Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100120	Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm + BTL	3	Thêm BTL (Thêm 1 TC)
53	4100113	Cầu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm và mô	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100113	Cầu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm và mô	2	
54	4100134	Xây dựng công trình ngầm và mô trong các điều kiện đặc biệt	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100134	Xây dựng công trình ngầm và mô trong các điều kiện đặc biệt	2	
55	4100140	Nguyên lý thiết kế Xây dựng công trình ngầm và mô	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100140	Nguyên lý thiết kế Xây dựng công trình ngầm và mô	2	
56	4100157	Tổ chức và quản lý thi công	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100157	Tổ chức và quản lý thi công	2	
III.1.3	Hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mô		13										Hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm và Mô		15	
49	4030118	Cơ sở khai thác mỏ	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KM	KTHL	4030118	Cơ sở khai thác mỏ	2	
50	4100132	Xây dựng công trình ngầm trong mô (tô bằng, lò nung)	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100132	Xây dựng công trình ngầm trong mô (tô bằng, lò nung)	2	
51	4100133	Đồ án xây dựng công trình ngầm trong mô (tô bằng, lò nung)	1	0	0	15	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100133	Đồ án xây dựng công trình ngầm trong mô (tô bằng, lò nung)	1	
52	4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	XĐ	XĐCTNM	4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	3	
53	4100122	Đồ án Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	1	0	0	15	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100122	Đồ án Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	1	
54	4100151	Xây dựng giếng đứng	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100151	Xây dựng giếng đứng + Đồ án giếng đứng	3	
													4100152	Đồ án xây dựng giếng đứng	1	Thêm 1TC Đồ án môn học
55	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong Xây dựng công trình ngầm và mô	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong Xây dựng công trình ngầm và mô	2	
III.1.4	Hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm		13										Hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình ngầm		13	
56	4100112	Xây dựng công trình ngầm bằng phương pháp lò thén	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100112	Xây dựng công trình ngầm bằng phương pháp lò thén	2	
57	4100129	Xây dựng công trình ngầm đồ thị	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100129	Xây dựng công trình ngầm đồ thị	2	
58	4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	3	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	3	
59	4100122	Đồ án Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	1	0	0	15	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100122	Đồ án Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	1	
60	4100151	Xây dựng giếng đứng	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100151	Xây dựng giếng đứng	2	
61	4100152	Đồ án xây dựng giếng đứng	1	0	0	15	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100152	Đồ án xây dựng giếng đứng	1	
62	4100138	An toàn và bảo vệ môi trường trong Xây dựng CTN	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100138	An toàn và bảo vệ môi trường trong Xây dựng CTN	2	
III.1.5	Hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình mô		13										Hướng chuyên sâu về Xây dựng công trình mô		13	
63	4030118	Cơ sở khai thác mỏ	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KM	KTHL	4030118	Cơ sở khai thác mỏ	2	
64	4100131	Xây dựng hầm trạm, sân giếng	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XĐ	XĐCTNM	4100131	Xây dựng hầm trạm, sân giếng	2	

S.TT	Mã MH	Tên MH	TC	Phân bố số tín chỉ					Tổ chức TC	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016															
BẬC			165	LT	TH+TN	ĐA	TT	LV							
65	4100132	Xây dựng công trình ngầm trong mô (lò baking, lò nung)	3	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100132	Xây dựng công trình ngầm trong mô (lò baking, lò nung)	3	
66	4100133	Đồ án Xây dựng công trình ngầm trong mô (lò baking, lò nung)	1	0	0	15	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100133	Đồ án Xây dựng công trình ngầm trong mô (lò baking, lò nung)	1	
67	4100151	Xây dựng giếng đứng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100151	Xây dựng giếng đứng	2	
68	4100152	Đồ án Xây dựng giếng đứng	1	0	0	15	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100152	Đồ án Xây dựng giếng đứng	1	
69	4100137	An toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng mô hầm lò	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100137	An toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng mô hầm lò	2	
Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa															
III.2			8											8	
70	4100149	Quy hoạch không gian ngầm thành phố	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100149	Quy hoạch không gian ngầm thành phố	2	
71	4100110	Quy hoạch thiết kế các công trình trên mặt đất	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100110	Quy hoạch thiết kế các công trình trên mặt đất	2	
72	4100168	Bê tông cốt thép ứng suất trước	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100168	Bê tông cốt thép ứng suất trước	2	
73	4100221	Tin học ứng dụng trong xây dựng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100221	Tin học ứng dụng trong xây dựng	2	
74	4100222	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100222	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	
77	4100223	Quy hoạch và thiết kế đô thị	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100223	Quy hoạch và thiết kế đô thị	2	
78	4100224	Nhà nhiều tầng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100224	Nhà nhiều tầng	2	
79	4100225	Thi nghiệm và kiểm định công trình	2	0	30	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100225	Thi nghiệm và kiểm định công trình	2	
80	4100226	Giám sát thi công	2	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	XD	KTXD	4100226	Giám sát thi công	2	
81	4100227	Thông gió và chiếu sáng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100227	Thông gió và chiếu sáng	2	
82	4100228	Kết cấu thép trụ	2						2(2.0.4)	XD	KTXD	4100228	Kết cấu thép trụ	2	
83	4100229	Xây dựng công trình trên nền đất yếu	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100229	Xây dựng công trình trên nền đất yếu	2	
84	4100230	Sửa chữa, cải tạo và khôi phục công trình	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100230	Sửa chữa, cải tạo và khôi phục công trình	2	
85	4100318	Cấp thoát nước trong công trình xây dựng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100318	Cấp thoát nước trong công trình xây dựng	2	
86	4100319	Quy hoạch giao thông và thiết kế đường	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100319	Quy hoạch giao thông và thiết kế đường	2	
87	4100320	Thi công công trình cầu	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100320	Thi công công trình cầu	2	
88	4100321	Thi công công trình đường	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100321	Thi công công trình đường	2	
89	4100322	Thi công công trình thủy	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100322	Thi công công trình thủy	2	
90	4100170	Thi công hầm và công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100170	Thi công hầm và công trình ngầm	2	
91	4100323	Thủy văn công trình	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100323	Thủy văn công trình	2	
92	4100324	Khai thác và thi nghiệm công trình hạ tầng cơ sở	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100324	Khai thác và thi nghiệm công trình hạ tầng cơ sở	2	
93	4100325	Tin học ứng dụng trong xây dựng hạ tầng cơ sở	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100325	Tin học ứng dụng trong xây dựng hạ tầng cơ sở	2	
94	4100101	Các phương pháp số	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100101	Các phương pháp số	2	
95	4100147	Ngoại ngữ chuyên ngành xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100147	Ngoại ngữ chuyên ngành xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	
96	4100148	Tin học ứng dụng trong xây dựng công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100148	Tin học ứng dụng trong xây dựng công trình ngầm	2	
97	4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	3	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	3	
98	4100164	Cơ sở thiết kế công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100164	Cơ sở thiết kế công trình ngầm	2	
99	4100153	Sửa chữa, cải tạo khôi phục công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100153	Sửa chữa, cải tạo khôi phục công trình ngầm	2	
100	4100158	Cơ học đất	3	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100158	Cơ học đất	3	
101	4100114	Cầu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100114	Cầu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm	2	
102	4100120	Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100120	Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm	2	
103	4100102	Khoan nổ mìn thi công công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100102	Khoan nổ mìn thi công công trình ngầm	2	
Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường															
III.3			8											8	
104	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2						2(2.0.4)	LLCT		4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	
105	4000002	Tâm lý học đại cương	2						2(2.0.4)	LLCT		4000002	Tâm lý học đại cương	2	
106	4000003	Tiếng Việt thực hành	2						2(2.0.4)			4000003	Tiếng Việt thực hành	2	
107	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2						2(2.0.4)			4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	
108	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2						2(2.0.4)			4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	
109	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2						2(2.0.4)			4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2	
110	4020104	Lịch sử Triết học	2						2(2.0.4)	KHCB		4020104	Lịch sử Triết học	2	
111	4010403	Autocad	2						2(2.0.4)	KHCB		4010403	Autocad	2	
112	4010603	Tiếng Anh 3	2						2(2.0.4)	KHCB		4010603	Tiếng Anh 3	2	
113	4010604	Tiếng Anh 4	2						2(2.0.4)	KHCB		4010604	Tiếng Anh 4	2	
114	4010605	Tiếng Nga 1	2						2(2.0.4)	KHCB		4010605	Tiếng Nga 1	2	
115	4010606	Tiếng Nga 2	2						2(2.0.4)	KHCB		4010606	Tiếng Nga 2	2	
116	4010607	Tiếng Trung 1	2						2(2.0.4)	KHCB		4010607	Tiếng Trung 1	2	

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Phân bố số tín chỉ				Tổ chức TC	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016														
BẮC			165	LT	TH+TN	ĐA	TT	LV					167	
117	4010608	Tiếng Trung 2	2						2(2.0.4)	KHCB	4010608	Tiếng Trung 2	2	
118	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2						2(2.0.4)	LLCT	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	
119	4030222	Cơ sở Khai thác hầm lò	2						2(2.0.4)	M6	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	
120	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2						2(2.0.4)	M6	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	
121	4040101	Địa chất đại cương	3						3(3.0.6)	KHDC	4040101	Địa chất đại cương	3	
122	4040110	Địa mạo cảnh quan	2						2(2.0.4)	KHDC	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	
123	4040517	Cơ sở địa chất công trình - địa chất thủy văn	3						2(2.0.4)	KHDC	4040517	Cơ sở địa chất công trình - địa chất thủy văn	2	
124	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- ArcInfo ngành Trắc địa) + BTL	3						3(3.0.6)	TB	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- ArcInfo ngành Trắc địa) + BTL	3	
125	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3						3(3.0.6)	TB	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	
126	4050302	Cơ sở viễn thám	2						2(2.0.4)	TB	4050302	Cơ sở viễn thám	2	
127	4050509	Kỹ thuật môi trường	2						2(2.0.4)	MT	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	
128	4050526	Trắc địa đại cương	2						2(2.0.4)	TB	4050526	Trắc địa đại cương	2	
129	4060142	Địa vật lý đại cương	2						2(2.0.4)	KHCB	4060142	Địa vật lý đại cương	2	
130	4060339	Cơ sở học hóa dầu	2						2(2.0.4)	DK	4060339	Cơ sở học hóa dầu	2	
131	4060402	Kỹ thuật đầu khi đại cương	2						2(2.0.4)	DK	4060402	Kỹ thuật đầu khi đại cương	2	
132	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3						2(2.0.4)	KT	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3	
133	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2						2(2.0.4)	KT	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	
134	4070401	Nguyên lý kế toán	3						2(2.0.4)	KT	4070401	Nguyên lý kế toán	3	
135	4080153	Thiết kế Website	2						2(2.0.4)	CN/TT	4080153	Thiết kế Website	2	
136	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2						2(2.0.4)	CN/TT	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	
137	4040825	Cơ sở sinh vật học	2						2(2.0.4)	MT	4040825	Cơ sở sinh vật học	2	
138	4090301	Kỹ thuật điện + TN	3						3(3.0.6)	CB	4090301	Kỹ thuật điện + TN	3	
139	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2						2(2.0.4)	XD	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	
140	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2						2(2.0.4)	MT	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	
141	4110130	Địa lý học	2						2(2.0.4)	MT	4110130	Địa lý học	2	
142	4110236	Môi trường và con người	2						2(2.0.4)	MT	4110236	Môi trường và con người	2	
143	4070335	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động đầu khi	2						2(2.0.4)	KT	4070335	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động đầu khi	2	
144	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2						2(2.0.4)	TB	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	
145	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2						2(2.0.4)	KT	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2	
146	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2						2(2.0.4)	MT	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2	
147	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2						2(2.0.4)	TB	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2	
148	4070403	Kế toán tài chính 1	4						4(3.0.8)	KT	4070403	Kế toán tài chính 1	4	
149	4050610	Địa chính đô thị	2						2(2.0.4)	KT	4050610	Địa chính đô thị	2	
150	4050616	Quản lý bất động sản	2						2(2.0.4)	TB	4050616	Quản lý bất động sản	2	
151	4050621	Hệ thống hồ sơ ra quyết định trong quản lý đất đai	2						2(2.0.4)	TB	4050621	Hệ thống hồ sơ ra quyết định trong quản lý đất đai	2	
152	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2						2(2.0.4)	TB	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2	
153	4050649	Quy hoạch vùng	3						2(2.0.4)	TB	4050649	Quy hoạch vùng	3	
154	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2						2(2.0.4)	KT	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2	
IV		Thực tập tốt nghiệp	7									Thực tập tốt nghiệp	7	
155	4100144	Thực tập sản xuất	3						3(0.0.9)	XD	4100144	Thực tập sản xuất	3	
156	4100145	Thực tập tốt nghiệp	4						4(0.0.12)	XD	4100145	Thực tập tốt nghiệp	4	
V		Đồ án tốt nghiệp	7									Đồ án tốt nghiệp	7	
157	4050629	Đồ án tốt nghiệp	7						105	7(0.0.21)	XD	Đồ án tốt nghiệp	7	

BỘ MÔN

KHOA

HIỆU TRƯỞNG

KHOA

Đặng Duy Thanh

Đặng Duy Thanh